TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2025/DS-PT
Ngày: 27/ 6 /2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Chi
Ông Nguyễn Thành Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2025/TLPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DSST ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:111/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Quốc T, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Tô Vĩnh H (Công ty L) (có mặt).

2. Bị đơn: ông Phan Thanh T1, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Võ Thị V, sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3. Người làm chứng:

3.1.Ông Trần Quốc T, sinh năm 1982 (có mặt)

3.2.Ông Trần Quốc K, sinh năm 1984 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo : bà Trần Thị D là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2024 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Quốc T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị D và ông Phan Thanh T1 là hàng xóm, quen biết nhau, bà D có cho ông T1 mượn tiền 07 lần, cụ thể như sau:

Tháng 06 năm 2023 cho mượn 10.000.000 đồng

Tháng 08 đến tháng 09 năm 2023 cho mượn 5.000.000 đồng

Tháng 11 năm 2023 cho mượn 10.000.000 đồng

Tháng 01 năm 2024 cho mượn 02 lần là 13.000.000 đồng

Tháng 02 năm 2024 cho mượn 5.000.000 đồng

Tháng 04 năm 2024 cho mượn 15.000.000 đồng

Khi bà D đưa tiền cho ông T1 không có làm biên nhận, ông T1 mượn tiền mục đích mua phân, thuốc làm bông cam, trồng dưa hấu, khi mượn tiền thỏa thuận lúc nào bà D cần tiền cho hay trước khoảng một tháng thì ông T1 trả lại, đến khi bà D cần tiền đòi ông T1 trả lại thì ông T1 chỉ hứa hẹn, không trả nợ cho bà D. Ông T1 thừa nhận nợ bà D thể hiện tại biên bản họp chi bộ bất thường của chi bộ ấp H ngày 30/9/2024. Nay bà Trần Thị D yêu cầu ông Phan Thanh T1 có nghĩa vụ trả bà D tổng cộng số tiền còn nợ là 58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Tại bản khai ý kiến và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Thanh T1 do bà Võ Thị V đại diện trình bày:

Ông T1 và bà D là hàng xóm, ông T1 không có mượn tiền của bà D. Chỉ đến khi chi bộ ấp Hiếu Xuân T2 có cuộc họp bất thường ngày 30/9/2024 thì ông T1 mới nghe nói là bà D yêu cầu ông T1 trả số tiền 58.000.000đ. Nay ông T1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D, không đồng ý trả bà D số tiền 58.000.000đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D đòi ông Phan Thanh T1 trả số tiền nợ 58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng).

Bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 28/3/2025 bà Trần Thị D có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D, buộc ông Phan Thanh T1 có nghĩa vụ trả bà Trần Thị D số tiền 58.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà D trình bày: bà D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, buộc ông T1 có nghĩa vụ trả bà D số tiền 58.000.000đ. Căn cứ kháng cáo là tại biên bản họp chi bộ bất thường ngày 30/9/2024 của chi bộ ấp Hiếu Xuân T2 ông T1 thừa nhận có thiếu tiền bà D. Nếu như Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà D thì đề nghị tạm ngừng phiên tòa để triệu tập nguyên đơn và bị đơn đến Tòa án để đối chất làm rõ.

Ông Trần Quốc T thống nhất lời trình bày của Luật sư nêu trên.

Bà Võ Thị V đại diện cho ông Phan Thanh T1 không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, ông T1 không đồng ý trả bà D số tiền 58.000.000đ, vì không có mượn tiền của bà D.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị D yêu cầu ông Phan Thanh T1 trả cho bà D số tiền nợ 58.000.000đ.

Về án phí phúc thẩm: bà D phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: ngày 14/3/2025, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên án, ngày 28/3/2025 nguyên đơn bà Trần Thị D kháng cáo là còn trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: xét kháng cáo của bà Trần Thị D;

[1] Bà D trình bày: không nhớ ngày cụ thể, từ tháng 6/2023 đến tháng 4/2024 bà D cho ông T1 vay tiền 07 lần, tổng cộng là 58.000.000đ, các lần giao tiền không có làm biên nhận và giao nhận tiền tại nhà bà D, không có ai chứng kiến. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông T là người đại diện hợp pháp của bà D trình bày bà D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có cho ông T1 mượn tiền 07 lần là 58.000.000đ, ông T1 không thừa nhận có mượn tiền bà D. Tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Nhưng bà D1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông T1 nợ tiền bà D1.

[2] Xét lời trình bày của ông T cho rằng ông T1 thừa nhận thiếu tiền bà D tại biên bản cuộc họp chi bộ bất thường ngày 30/9/2024 của ấp Hiếu Xuân T2, xét thấy: nội dung biên bản này ông T1 khẳng định không thừa nhận nợ bà D số tiền 58.000.000đ. Tại trang 3 của biên bản có thể hiện một đoạn "Toản tao thiếu mày 58.000.000đ, qua tao trả trước 28.000.000đ còn lại 30.000.000đ từ từ tao trả", phần nội dung này tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Quốc K trình bày đó là câu hỏi ông K hỏi ông T1 tại cuộc họp chi bộ và ông T1 trả lời " tôi tức vợ tôi, tôi có nói nhưng ở trong nhà chứ không phải nói trước sân". Như vậy nội dung này cũng không thể hiện ông T1 thừa nhận nợ bà D 58.000.000đ. Do đó, Tòa án

cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[3] Xét đề nghị của Luật sư buộc bị đơn trả nguyên đơn 58.000.000đ là không có căn cứ. Ngoài ra Luật sư có đề nghị tạm ngừng phiên tòa triệu tập nguyên đơn, bị đơn để đối chất, xét thấy: tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh bị đơn thiếu tiền, đại diện hợp pháp của bị đơn không thừa nhận nợ. Do đó việc đối chất là không cần thiết nên không chấp nhận ý kiến của Luật sư tạm ngừng phiên tòa.

Bà D kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà D, giữ nguyên án sơ thẩm.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà D phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị D;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D về việc buộc ông Phan Thanh T1 trả số tiền nợ 58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị D phải nộp 2.900.000 đ (Hai triệu chín trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 1.450.000đ (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009768 ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Buộc bà Trần Thị D phải tiếp tục nộp 1.450.000đ (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: buộc bà Trần Thị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà D đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009999 ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Bà D đã nộp xong án phí phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND huyện Vũng Liêm;

- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình